

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
BỘ MÔN MIỄN DỊCH - SINH LÝ BỆNH

CÂU HỎI THI NỘI TRÚ
MÔN MIỄN DỊCH HỌC

1. Trình bày cơ quan lympho trung ương: tuyến ức.
2. Trình bày cơ quan lympho trung ương: túi Fabricius, tuỷ xương.
3. Trình bày cơ quan lympho ngoại vi: hạch lympho.
4. Trình bày cơ quan lympho ngoại vi: lách.
5. Trình bày cơ quan lympho ngoại vi: mô lympho không có vỏ bọc.
6. Tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch: tế bào lympho T.
7. Tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch: tế bào lympho B.
8. Tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch: bạch cầu đơn nhân và đại thực bào.
9. Tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch: bạch cầu hạt trung tính, ái kiềm và ái toan.
10. Tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch: bạch cầu ái kiềm, tế bào mast và tiểu cầu.
11. Tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch: bạch cầu hạt trung tính, tế bào mast và tiểu cầu.
12. Tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch: bạch cầu hạt trung tính, ái toan và tế bào mast.
13. Cấu trúc phân tử MHC lớp I: cấu trúc vùng gắn peptid.
14. Cấu trúc phân tử MHC lớp I: cấu trúc vùng giống Ig.
15. Cấu trúc phân tử MHC lớp I: cấu trúc vùng xuyên màng và vùng trong bào tương.
16. Cấu trúc phân tử MHC lớp II: cấu trúc vùng gắn peptid và vùng giống Ig.
17. Cấu trúc phân tử MHC lớp II: cấu trúc vùng giống Ig, vùng xuyên màng và vùng trong bào tương.
18. Đặc điểm vùng gắn peptid của phân tử MHC giúp phân tử MHC thực hiện tốt chức năng trình diện kháng nguyên.
19. Trình bày các tế bào trình diện kháng nguyên ngoại bào và kháng nguyên nội sinh.
20. Trình bày quá trình tóm bắt và xử lý các kháng nguyên protein ngoại bào.
21. Trình bày các bước mà kháng nguyên ngoại bào phải trải qua để được TCD4 nhận diện.
22. Trình bày quá trình xử lý và kết hợp các peptid mới sinh với các phân tử MHC lớp II.
23. Trình bày sự trình diện các kháng nguyên nội sinh kết hợp với các phân tử MHC lớp I.
24. Trình bày vai trò của thụ thể tế bào lympho T (*TCR : T cell receptor*) và phân tử kết dính trong quá trình nhận biết kháng nguyên.
25. Trình bày các tín hiệu hoạt hoá và vai trò của cytokin trong chức năng hoạt hoá đáp ứng miễn dịch.

26. Trình bày vai trò của Th và Ts trong điều hòa và kiểm soát đáp ứng miễn dịch.
27. Trình bày vai trò của Tc & T_{DTH} trong việc loại trừ kháng nguyên của đáp ứng miễn dịch tế bào.
28. Trình bày vai trò hỗ trợ của Th với lympho bào B trong việc loại trừ kháng nguyên.
29. Trình bày vai trò của tế bào NK, K, LAK trong việc loại trừ kháng nguyên của đáp ứng miễn dịch tế bào.
30. Trình bày 2 điều kiện để có đáp ứng miễn dịch qua trung gian tế bào và thí nghiệm chứng minh.
31. Trình bày 2 giai đoạn miễn cảm để hoạt hóa tế bào lympho T.
32. Trình bày kết quả của đáp ứng miễn dịch qua trung gian tế bào.
33. Trình bày cách tiến hành, cơ chế của hiện tượng Kock, phản ứng Mantoux và hiện tượng bong mảnh ghép.
34. Trình bày nguồn gốc và cư trú của tế bào lympho B.
35. Trình bày quá trình tăng sinh, biệt hoá của tế bào lympho B.
36. Trình bày 2 giai đoạn biệt hoá của tế bào lympho B: giai đoạn không cần kháng nguyên và giai đoạn cần kháng nguyên.
37. Trình bày sự hoạt hoá của tế bào lympho B dưới tác dụng của kháng nguyên: quá trình xử lý và trình diện kháng nguyên.
38. Trình bày sự hoạt hoá của tế bào lympho B dưới tác dụng của kháng nguyên: sự hỗ trợ của lympho bào T và kết quả.
39. Trình bày cấu trúc của globulin miễn dịch: chuỗi nhẹ và chuỗi nặng.
40. Trình bày cấu trúc của globulin miễn dịch: cầu disulfua và các domain, vùng bản lề.
41. Trình bày các mảnh cấu phần của phân tử globulin miễn dịch.
42. Trình bày chức năng của globulin miễn dịch: chức năng Fab.
43. Trình bày chức năng nhận biết và kết hợp đặc hiệu kháng nguyên của globulin miễn dịch.
44. Trình bày chức năng của globulin miễn dịch: chức năng Fc.
45. Trình bày chức năng hoạt hoá hệ miễn dịch không đặc hiệu của globulin miễn dịch.
46. Đáp ứng miễn dịch tự nhiên (không đặc hiệu): khái niệm, đặc điểm, vai trò của da và niêm mạc.
47. Đáp ứng miễn dịch tự nhiên (không đặc hiệu): vai trò của các tế bào.
48. Đáp ứng miễn dịch tự nhiên (không đặc hiệu): khái niệm, đặc điểm, vai trò của các phân tử.
49. Đáp ứng miễn dịch tự nhiên (không đặc hiệu): khái niệm, đặc điểm, vai trò của thực bào.
50. Đáp ứng miễn dịch tự nhiên (không đặc hiệu): khái niệm, đặc điểm, vai trò của bạch cầu ái kiềm, tế bào mast, bạch cầu ái toan và tế bào diệt tự nhiên.
51. Trình bày hoạt hoá bổ thể theo đường cổ điển: tác nhân, các bước.
52. Trình bày các bước hoạt hoá bổ thể theo đường cổ điển.
53. Trình bày hoạt hoá bổ thể theo đường alternative.
54. Trình bày sự điều hoà hoạt hoá bổ thể.

55. Trình bày sơ đồ tóm tắt hoạt hoá bổ thể theo đường cổ điển và đường alternative.
56. Trình bày vai trò sinh học của sự hoạt hoá bổ thể.
57. Trình bày cơ chế ly giải tế bào mang kháng nguyên của bổ thể.
58. Trình bày vai trò của bổ thể trong việc hình thành phản ứng viêm và xử lý phức hợp miễn dịch.
59. Trình bày vai trò của bổ thể trong việc ly giải tế bào mang kháng nguyên và hình thành phản ứng viêm.
60. Trình bày vai trò của bổ thể trong việc ly giải tế bào mang kháng nguyên và xử lý phức hợp miễn dịch.
61. Trình bày khái niệm, các yếu tố tham gia quá mẫn typ I.
62. Trình bày quá mẫn typ I: sự hoạt hoá tế bào mast, ái kiềm và các hoạt chất chủ yếu.
63. Chứng minh vai trò của cơ địa trong quá mẫn typ I.
64. Chứng minh trong quá mẫn typ I sự sản xuất IgE ở người mang tính cơ địa và di truyền.
65. Trình bày sóc phản vệ thực nghiệm.
66. Trình bày sóc phản vệ ở người.
67. Trình bày bệnh atopi, nêu các ví dụ.
68. Cơ chế bệnh sinh và các biểu hiện lâm sàng của bệnh atopi.
69. Trình bày quá mẫn typ II: khái niệm, các yếu tố tham gia, cơ chế.
70. Trình bày các tế bào đích và các thể lâm sàng của quá mẫn typ II.
71. Trình bày cơ chế bệnh sinh của sóc do truyền nhầm nhóm máu.
72. Trình bày vai trò của kháng thể và kháng nguyên hoà tan trong quá mẫn typ III.
73. Trình bày vai trò của phức hợp miễn dịch trong quá mẫn typ III.
74. Trình bày các thể lâm sàng của quá mẫn typ III.
75. Trình bày các thể thực nghiệm của quá mẫn typ III.
76. Trình bày quá mẫn typ IV: khái niệm, các yếu tố tham gia.
77. Trình bày các thể lâm sàng của quá mẫn typ IV: quá mẫn kiểu tuberculin, quá mẫn da do tiếp xúc và phản ứng bong mảnh ghép.
78. Trình bày các thể lâm sàng của quá mẫn typ IV: quá mẫn kiểu tuberculin, quá mẫn da do tiếp xúc và phản ứng tạo u hạt.
79. Trình bày thiếu năng miễn dịch bẩm sinh dòng tế bào lympho T.
80. Trình bày hội chứng Di George.
81. Trình bày thiếu năng miễn dịch bẩm sinh dòng tế bào lympho B.
82. Trình bày hội chứng Bruton.
83. Trình bày thiếu năng miễn dịch phối hợp nặng.
84. Trình bày thay đổi miễn dịch trong suy dinh dưỡng.
85. Trình bày cơ chế thiếu năng miễn dịch trong suy dinh dưỡng.
86. Trình bày thiếu năng miễn dịch do nhiễm khuẩn và bệnh ác tính.
87. Trình bày thiếu năng miễn dịch do bệnh ác tính và thuốc ức chế miễn dịch.
88. Trình bày thiếu năng miễn dịch do nhiễm khuẩn và thuốc ức chế miễn dịch.
89. Trình bày cơ chế suy giảm miễn dịch do HIV.
90. Giải thích cơ chế làm suy giảm tế bào TCD4 ở người bị nhiễm HIV.

91. Trình bày đáp ứng miễn dịch của cơ thể bị nhiễm đối với HIV.
92. Hãy kể các biện pháp né tránh mà vi sinh vật sử dụng để chống lại hệ thống đề kháng của vật chủ.
93. Trình bày phương thức ẩn dật của vi sinh vật.
94. Trình bày phương thức thay đổi kháng nguyên bề mặt của vi sinh vật.
95. Trình bày phương thức né tránh hệ thống đề kháng của HIV.
96. Trình bày cơ chế bảo vệ không đặc hiệu chống vi khuẩn ngoại bào.
97. Trình bày vai trò miễn dịch dịch thể trong đề kháng chống vi sinh vật ngoại bào.
98. Trình bày cơ chế bảo vệ không đặc hiệu chống vi khuẩn nội bào.
99. Trình bày cơ chế bảo vệ đặc hiệu chống vi khuẩn nội bào.
100. Trình bày cơ chế bảo vệ không đặc hiệu chống virus.
101. Trình bày vai trò miễn dịch dịch thể trong cơ chế bảo vệ đặc hiệu chống virus.
102. Trình bày vai trò miễn dịch tế bào trong cơ chế bảo vệ đặc hiệu chống virus.
103. Trình bày vai trò đề kháng miễn dịch chống ký sinh trùng.